

Tỉnh Hải Dương
Huyện Thanh Hà
Xã Thanh Xá

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số: 09/QĐ_UBND ngày 11/01/2023 của UBND xã)
ĐVT: 1000đ

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV NĂM 2022	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	8,188,497	1,900,320	23
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1,650,000	348,289	21
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2,736,700	61,281	2
3	Thu bổ sung	3,801,797	1,490,750	39
	- Thu bổ sung cân đối	3,801,797	924,950	24
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	565,800	
4	Thu chuyển nguồn	250,000	0	0
II	TỔNG SỐ CHI	8,188,497	854,910	10
1	Chi đầu tư phát triển	4,000,000	0	0
2	Chi thường xuyên	4,023,317	854,910	21
3	Dự phòng	102,000	0	0
4	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	63,180	0	0

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND xã)
ĐVT: 1000đ

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	0	8,188,497	0	1,900,320		23
I	Các khoản thu 100%	0	150,000	0	348,289		232
	Phí, lệ phí		15,000		5,290		35
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		120,000		337,810		282
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				5,189		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác		15,000		0		0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	0	2,736,700	0	61,281		2
1	Các khoản thu phân chia	0	151,500	0	8,608		6
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		62,000		0		0
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		9,500		0		0
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		80,000		8,608		11
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	0	2,585,200	0	52,673		2
	- Thu tiền sử dụng đất		2,500,000		0		0
	- Thuế GTGT		56,800		25,370		45
	- Thuế thu nhập cá nhân		28,400		27,303		96
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		1,500,000		0		0
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	3,801,797	0	1,490,750		39
	- Thu bổ sung cân đối		3,801,797		924,950		24
	- Thu bổ sung có mục tiêu				565,800		

Tỉnh Hải Dương
Huyện Thanh Hà
Xã Thanh Xá

Biểu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số: 09/QĐ_UBND ngày 11/01/2023 của UBND xã)

ĐVT: 1000đ

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV NĂM 2022			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	8,188,497	4,000,000	4,188,497	3,312,462	1,619,711	1,692,751	40	40	40
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	0			0					
2	Chi công tác DQTV, ANTT	325,949		325,949	168,509		168,509	52		52
3	Chi y tế	0		0	0		0			
4	Chi văn hóa, thông tin	14,000		14,000	8,425		8,425	60		60
5	Chi phát thanh, truyền thanh	31,503		31,503	10,971		10,971	35		35
6	Chi thể dục thể thao	25,000		25,000	0		0	0		0
7	Chi bảo vệ môi trường	0			0		0			
8	Chi các hoạt động kinh tế	3,552,600	3,500,000	52,600	1,628,168	1,619,711	8,457	46	46	16
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3,799,038	500,000	3,299,038	1,031,945	0	1,031,945	27	0	31
10	Chi cho công tác xã hội	255,227	0	255,227	454,793		454,793	178		178
11	Chi khác	20,000		20,000	9,651		9,651			
12	Dự phòng ngân sách	102,000		102,000	0		0	0		0
13	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	63,180		63,180						